

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền  
giải quyết của Công an thành phố Cần Thơ**

**GIÁM ĐỐC CÔNG AN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tham mưu tại Tờ trình số 904/TTr-PV01-Đ6 ngày 29 tháng 12 năm 2025.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công khai Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an thành phố Cần Thơ gồm 197 thủ tục hành chính thực hiện tại các đơn vị thuộc Công an thành phố và Công an các xã, phường (Có Danh mục thủ tục hành chính đính kèm).

**Điều 2.** Phòng Tham mưu có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị liên quan thường xuyên cập nhật, đăng tải công khai Danh mục và thủ tục hành chính trên Trang Thông tin điện tử Công an thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2045/QĐ-CATP-PV01 ngày 10 tháng 9 năm 2025 về việc công khai Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an thành phố Cần Thơ. Trưởng Công an các đơn vị, Trưởng Công an các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để th/h);
- Đ/c Giám đốc CATP (để báo cáo);
- Ban Giám đốc CATP (để ph/h chỉ đạo);
- Lưu: VT, PV01(Đ6).



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đại tá Nguyễn Thanh Bình**



**DANH MỤC**  
**Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an thành phố**  
(Kèm theo Quyết định số 3097/QĐ-CATP-PV01  
ngày 30/12/2025 của Công an thành phố)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC CÔNG AN THÀNH PHỐ: 140 thủ tục**

| Stt      | Tên thủ tục hành chính                                                                           | Quyết định<br>công bố của<br>Bộ Công an        | Đơn vị<br>thực hiện | Ghi<br>chú |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------|------------|
| <b>I</b> | <b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ, XUẤT<br/>NHẬP CẢNH: 18 thủ tục</b>                                          |                                                |                     |            |
| 1        | Cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài<br>tại Việt Nam tại Công an cấp tỉnh                        | Quyết định số<br>5568/QĐ-BCA<br>ngày 15/8/2023 | Phòng PA08          |            |
| 2        | Cấp thị thực cho người nước ngoài<br>tại Việt Nam                                                | -nt-                                           | -nt-                |            |
| 3        | Gia hạn tạm trú cho người đã được<br>cấp Giấy miễn thị thực thực hiện tại<br>Công an cấp tỉnh    | -nt-                                           | -nt-                |            |
| 4        | Gia hạn tạm trú cho người nước<br>ngoài tại Việt Nam thực hiện tại<br>Công an cấp tỉnh           | -nt-                                           | -nt-                |            |
| 5        | Trình báo mất hộ chiếu phổ thông<br>thực hiện tại Công an cấp tỉnh                               | -nt-                                           | -nt-                |            |
| 6        | Cấp hộ chiếu phổ thông ở trong<br>nước thực hiện tại Công an cấp tỉnh                            | -nt-                                           | -nt-                |            |
| 7        | Khôi phục giá trị sử dụng hộ chiếu<br>phổ thông thực hiện tại Công an<br>cấp tỉnh                | -nt-                                           | -nt-                |            |
| 8        | Cấp thẻ thường trú cho người nước<br>ngoài tại Việt Nam thực hiện tại<br>Công an cấp tỉnh        | -nt-                                           | -nt-                |            |
| 9        | Cấp đổi thẻ thường trú cho người<br>nước ngoài tại Việt Nam tại Công<br>an cấp tỉnh              | -nt-                                           | -nt-                |            |
| 10       | Cấp lại thẻ thường trú cho người<br>nước ngoài tại Việt Nam tại Công<br>an cấp tỉnh              | -nt-                                           | -nt-                |            |
| 11       | Cấp giấy phép vào khu vực cấm,<br>khu vực biên giới cho người nước<br>ngoài tại Công an cấp tỉnh | -nt-                                           | -nt-                |            |

|    |                                                                                                                                                                               |                                                 |            |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------|--|
| 12 | Trình báo mất thẻ ABTC                                                                                                                                                        | Quyết định số 4977/QĐ-BCA ngày 14/7/2023        | -nt-       |  |
| 13 | Xác nhận, cung cấp thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam                                                                                               | Quyết định số 8258/QĐ-BCA-QLXNC ngày 08/10/2025 | -nt-       |  |
| 14 | Cấp giấy phép xuất nhập cảnh cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam                                                                                                    | -nt-                                            | -nt-       |  |
| 15 | Cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam                                                                                                | -nt-                                            | -nt-       |  |
| 16 | Trình báo mất giấy thông hành                                                                                                                                                 | Quyết định số 5283/QĐ-BCA ngày 18/7/2024        | -nt-       |  |
| 17 | Khai báo tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam qua Trang thông tin điện tử                                                                                                | Quyết định số 6968/QĐ-BCA ngày 22/9/2022        | -nt-       |  |
| 18 | Cấp giấy chứng nhận về nước cho nạn nhân là công dân Việt Nam bị mua bán ra nước ngoài tại Công an cấp tỉnh                                                                   | QĐ/0001-BCA                                     | -nt-       |  |
| II | <b>LĨNH VỰC CẤP, QUẢN LÝ CĂN CƯỚC:</b> 16 thủ tục                                                                                                                             |                                                 |            |  |
| 19 | Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước theo đề nghị của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch                          | Quyết định số 5710/QĐ-BCA-C06 ngày 01/7/2025    | Phòng PC06 |  |
| 20 | Thu thập, cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và cấp giấy chứng nhận căn cước | -nt-                                            | -nt-       |  |
| 21 | Cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên                                                                                                                              | -nt-                                            | -nt-       |  |
| 22 | Cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi                                                                                                                                       | -nt-                                            | -nt-       |  |
| 23 | Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu                                                                                                           | -nt-                                            | -nt-       |  |

|     |                                                                                                                |                                              |            |  |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------|--|
|     | về căn cước                                                                                                    |                                              |            |  |
| 24  | Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước                          | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 25  | Tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước                                                     | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 26  | Cấp đổi thẻ căn cước                                                                                           | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 27  | Cấp lại thẻ căn cước                                                                                           | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 28  | Cấp đổi giấy chứng nhận căn cước                                                                               | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 29  | Cấp lại giấy chứng nhận căn cước                                                                               | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 30  | Khai thác thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | Quyết định số 4864/QĐ-BCA-C06 ngày 04/7/2024 | -nt-       |  |
| 31  | Khai thác thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu căn cước           | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 32  | Khai thác thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư                                        | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 33  | Khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước                                                      | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 34  | Cấp xác nhận số chứng minh nhân dân 09 số, số định danh cá nhân                                                | -nt-                                         | -nt-       |  |
| III | <b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH, TRẬT TỰ: 03 thủ tục</b>             |                                              |            |  |
| 35  | Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự                                                       | Quyết định số 5625/QĐ-BCA-C06 ngày 15/8/2023 | Phòng PC06 |  |
| 36  | Cấp đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự                                                       | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 37  | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự                                                       | -nt-                                         | -nt-       |  |
| IV  | <b>LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CON DẤU: 05 thủ tục</b>                                                           |                                              |            |  |
| 38  | Đăng ký mẫu con dấu mới                                                                                        | Quyết định số 5625/QĐ-BCA-C06 ngày 15/8/2023 | Phòng PC06 |  |

|    |                                                                                                                                              |                                              |            |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------|--|
| 39 | Đăng ký dấu nổi, dấu thu nhỏ, dấu xi                                                                                                         | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 40 | Đăng ký lại mẫu con dấu                                                                                                                      | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 41 | Đăng ký thêm con dấu                                                                                                                         | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 42 | Đổi, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu                                                                                             | -nt-                                         | -nt-       |  |
| V  | <b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ: 25 thủ tục</b>                                                                    |                                              |            |  |
| 43 | Đăng ký khai báo công cụ hỗ trợ                                                                                                              | Quyết định số 885/QĐ-BCA-C06 ngày 17/02/2025 | Phòng PC06 |  |
| 44 | Cấp Giấy phép trang bị, giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 45 | Cấp Giấy phép trang bị vũ khí quân dụng                                                                                                      | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 46 | Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng                                                                                                       | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 47 | Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng                                                                                                   | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 48 | Cấp Giấy phép trang bị vũ khí thể thao                                                                                                       | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 49 | Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao                                                                                                        | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 50 | Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao                                                                                                    | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 51 | Cấp Giấy phép vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao                                                                                   | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 52 | Cấp Giấy phép sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao                                                                                     | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 53 | Cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ quân dụng                                                                                               | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 54 | Cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp                                                                                             | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 55 | Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp                                                                                      | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 56 | Cấp Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ                                                                                                  | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 57 | Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ                                                                                           | -nt-                                         | -nt-       |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                              |            |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------|--|
| 58 | Cấp Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ                                                                                                                                                                                                                                 | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 59 | Cấp Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ                                                                                                                                                                                                                                  | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 60 | Cấp lại Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ                                                                                                                                                                                                                              | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 61 | Cấp Giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ                                                                                                                                                                                                                               | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 62 | Cấp Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ                                                                                                                                                                                                                                 | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 63 | Thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ                                                                                                      | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 64 | Đề nghị làm mất tính năng, tác dụng và xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật                                                                 | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 65 | Đề nghị xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật                                                                                                | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 66 | Đề nghị đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và cấp, cấp đổi giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 67 | Cấp lại giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ                                                                                                       | -nt-                                         | -nt-       |  |
| VI | <b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHÁO: 01 thủ tục</b>                                                                                                                                                                                                                     |                                              |            |  |
| 68 | Cấp giấy phép vận chuyển pháo hoa để kinh doanh                                                                                                                                                                                                                       | Quyết định số 5625/QĐ-BCA-C06 ngày 15/8/2023 | Phòng PC06 |  |

|             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                              |            |  |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------|--|
| <b>VII</b>  | <b>LĨNH VỰC ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ: 07 thủ tục</b>                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                              |            |  |
| 69          | Cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức                                                                                                                                                                                                                                                                        | Quyết định số 5349/QĐ-BCA-C06 ngày 19/7/2024 | Phòng PC06 |  |
| 70          | Cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02 cho người nước ngoài                                                                                                                                                                                                                                                              | -nt-                                         | Phòng PA08 |  |
| 71          | Cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                           | Quyết định số 5709/QĐ-BCA-C06 ngày 01/7/2025 | Phòng PC06 |  |
| 72          | Khóa tài khoản định danh điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                            | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 73          | Mở khóa tài khoản định danh điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                         | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 74          | Khóa căn cước điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 75          | Mở khóa căn cước điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | -nt-                                         | -nt-       |  |
| <b>VIII</b> | <b>LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY: 07 thủ tục</b>                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                              |            |  |
| 76          | Thẩm định thiết kế về phòng cháy chữa cháy                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Quyết định số 5461/QĐ-BCA-C07 ngày 27/6/2025 | Phòng PC07 |  |
| 77          | Kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy                                                                                                                                                                                                                                                                        | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 78          | Cấp Giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ                                                                                                                                                                                                                                                  | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 79          | Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân                                                                                                                                                                                                                                        | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 80          | Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (trường hợp điều chỉnh thiết kế trong quá trình thi công đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình, phương tiện giao thông đã được cơ quan Công an cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy mà chưa được chấp thuận kết quả nghiệm thu) | -nt-                                         | -nt-       |  |
| 81          | Nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy (đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình,                                                                                                                                                                                                                                   | -nt-                                         | -nt-       |  |

|           |                                                                                                                                                               |                                           |            |  |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------|--|
|           | phương tiện giao thông đã được cơ quan Công an cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy mà chưa được chấp thuận kết quả nghiệm thu) |                                           |            |  |
| 82        | Cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy                                                                                             | -nt-                                      | -nt-       |  |
| <b>IX</b> | <b>LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ: 11 thủ tục</b>                                                                                  |                                           |            |  |
| 83        | Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất lắp ráp trong nước                                                                               | Quyết định số 1383/QĐ-BCA ngày 28/02/2025 | Phòng PC08 |  |
| 84        | Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe nhập khẩu                                                                                                 | -nt-                                      | -nt-       |  |
| 85        | Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu thực hiện bằng dịch vụ công một phần hoặc trực tiếp                                                                           | -nt-                                      | -nt-       |  |
| 86        | Cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe trong trường hợp thay đổi chủ xe (đăng ký sang tên xe) bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp             | -nt-                                      | -nt-       |  |
| 87        | Đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp                                                                    | -nt-                                      | -nt-       |  |
| 88        | Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình                                                                   | -nt-                                      | -nt-       |  |
| 89        | Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp                                                      | -nt-                                      | -nt-       |  |
| 90        | Đăng ký xe tạm thời thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình                                                                                         | -nt-                                      | -nt-       |  |
| 91        | Đăng ký xe tạm thời thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp                                                                            | -nt-                                      | -nt-       |  |
| 92        | Thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công toàn trình                                                                              | -nt-                                      | -nt-       |  |
| 93        | Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp                                                    | -nt-                                      | -nt-       |  |

|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                           |            |  |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------|--|
| <b>X</b>   | <b>LĨNH VỰC BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG:</b><br>02 thủ tục                                                                                                                                                                                                                  |                                           |            |  |
| 94         | Cấp mới Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên                                                                                                                                                                                                                    | Quyết định số 1842/QĐ-BCA ngày 19/3/2025  | Phòng PC08 |  |
| 95         | Cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên                                                                                                                                                                                                                    | -nt-                                      | -nt-       |  |
| <b>XI</b>  | <b>LĨNH VỰC CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA XE CƠ GIỚI, XE MÁY CHUYÊN DÙNG, PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI TRONG NHẬP KHẨU, SẢN XUẤT, LẮP RÁP, CẢI TẠO VÀ KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI, XE MÁY CHUYÊN DÙNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ CÔNG AN: 03 thủ tục</b> |                                           |            |  |
| 96         | Cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, Tem kiểm định, Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường                                                                                                   | Quyết định số 9168/QĐ-BCA ngày 17/12/2024 | Phòng PC08 |  |
| 97         | Cấp đổi Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, Tem kiểm định, Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường                                                                                               | -nt-                                      | -nt-       |  |
| 98         | Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, Tem kiểm định, Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường                                                                                               | -nt-                                      | -nt-       |  |
| <b>XII</b> | <b>LĨNH VỰC KIỂM TRA KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ CÔNG AN: 01 thủ tục</b>                                                                                                                                        |                                           |            |  |
| 99         | Đăng ký kiểm tra kiến thức pháp                                                                                                                                                                                                                                                    | Quyết định số                             | Phòng PC08 |  |

|             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                 |            |  |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------|--|
|             | luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để được phục hồi điểm giấy phép lái xe                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9303/QĐ-BCA-C08 ngày 20/12/2024 |            |  |
| <b>XIII</b> | <b>LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ: 04</b> thủ tục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                 |            |  |
| 100         | Tuyển sinh vào các trường Công an nhân dân tại Công an cấp tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | QĐ/0001-BCA                     | Phòng PX01 |  |
| 101         | Tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | -nt-                            | -nt-       |  |
| 102         | Tuyển lao động hợp đồng trong Công an nhân dân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | -nt-                            | -nt-       |  |
| 103         | Tuyển chọn công dân phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | -nt-                            | -nt-       |  |
| <b>XIV</b>  | <b>LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH: 14</b> thủ tục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                 |            |  |
| 104         | Xét hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên Công an nhân dân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở chiến trường B, C, K trong khoảng thời gian từ ngày 20-7-1954 đến 30-4-1975, về gia đình từ ngày 31-12-1976 trở về trước, chưa được hưởng một trong các chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng và chế độ hưu trí hàng tháng, trước khi về gia đình thuộc biên chế Công an nhân dân  | QĐ/0001-BCA                     | Phòng PX01 |  |
| 105         | Xét hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội nhân dân, công an nhân dân tham gia chiến đấu, hoạt động ở các chiến trường B, C, K sau đó trở thành người hưởng lương; thanh niên xung phong hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, cán bộ dân chính đảng hoạt động cách mạng ở chiến trường B, C, K từ 30-4-1975 trở về trước không có thân nhân chủ yếu (vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi hợp pháp) phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc | -nt-                            | -nt-       |  |

|     |                                                                                                                                                                                                                                              |      |            |  |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------|--|
| 106 | Xét hưởng chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương                                                                 | -nt- | -nt-       |  |
| 107 | Xét hưởng chế độ đối với người trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | -nt- | -nt-       |  |
| 108 | Xét công nhận liệt sỹ, cấp bằng “Tổ quốc ghi công” và “Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ” đối với liệt sỹ và thân nhân liệt sỹ tại Công an cấp tỉnh                                                                                           | -nt- | -nt-       |  |
| 109 | Xét công nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 và người hoạt động cách mạng từ 01/01/1945 đến trước tổng khởi nghĩa 19/8/1945 tại Công an cấp tỉnh                                                                            | -nt- | -nt-       |  |
| 110 | Xét hưởng trợ cấp đối với thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh tại Công an cấp tỉnh                                                                                                                                      | -nt- | -nt-       |  |
| 111 | Xét hưởng trợ cấp hàng tháng hoặc trợ cấp một lần đối với Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong kháng chiến tại Công an cấp tỉnh                                                                                              | -nt- | -nt-       |  |
| 112 | Xét trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học tại Công an cấp tỉnh                                                                                                                                               | -nt- | -nt-       |  |
| 113 | Xét hưởng trợ cấp hàng tháng hoặc trợ cấp một lần đối với Bệnh binh tại Công an cấp tỉnh                                                                                                                                                     | -nt- | -nt-       |  |
| 114 | Cấp thẻ bảo hiểm y tế                                                                                                                                                                                                                        | -nt- | -nt-       |  |
| 115 | Cấp lại thẻ bảo hiểm y tế                                                                                                                                                                                                                    | -nt- | -nt-       |  |
| 116 | Cấp đổi thẻ bảo hiểm y tế                                                                                                                                                                                                                    | -nt- | -nt-       |  |
| 117 | Xét khen thưởng trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tại Công an cấp tỉnh (Công an các đơn vị thuộc CATP)                                                                                                                        | -nt- | Phòng PX03 |  |

|             |                                                                                                                                                                                        |                                           |            |  |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------|--|
| <b>XV</b>   | <b>LĨNH VỰC KHIẾU NẠI, TỔ CÁO: 02 thủ tục</b>                                                                                                                                          |                                           |            |  |
| 118         | Giải quyết khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính của công dân đối với lực lượng CAND                                                                                  | QĐ/0001-BCA                               | Phòng PX05 |  |
| 119         | Giải quyết tố cáo không thuộc lĩnh vực tổ tụng hình sự của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân                                                                                 | -nt-                                      | -nt-       |  |
| <b>XVI</b>  | <b>LĨNH VỰC CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP: 03 thủ tục</b>                                                                                                                                  |                                           |            |  |
| 120         | Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam                                                                                             | Quyết định số 1025/QĐ-BCA ngày 25/02/2025 | Phòng PV06 |  |
| 121         | Cấp phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam) | -nt-                                      | -nt-       |  |
| 122         | Cấp phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)                                       | -nt-                                      | -nt-       |  |
| <b>XVII</b> | <b>LĨNH VỰC SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE: 06 thủ tục</b>                                                                                                                             |                                           |            |  |
| 123         | Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô                                                                                                                          | Quyết định số 1025/QĐ-BCA ngày 25/02/2025 | Phòng PC08 |  |
| 124         | Chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô                                                                                                                      | -nt-                                      | -nt-       |  |
| 125         | Thu hồi chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô                                                                                                                  | -nt-                                      | -nt-       |  |
| 126         | Cấp giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3                                                                                                                            | -nt-                                      | -nt-       |  |
| 127         | Cấp lại giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3                                                                                                                        | -nt-                                      | -nt-       |  |
| 128         | Thu hồi giấy phép sát hạch của trung tâm sát hạch lái xe loại 3                                                                                                                        | -nt-                                      | -nt-       |  |

|              |                                                                                                                                                               |                                          |            |  |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------|--|
| <b>XVIII</b> | <b>LĨNH VỰC TỔ CHỨC CAI NGHIỆN MA TÚY VÀ QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN: 06 thủ tục</b>                                                                               |                                          |            |  |
| 129          | Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện                                                                                                           | Quyết định số 7886/QĐ-BCA ngày 19/9/2025 | Phòng PC04 |  |
| 130          | Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện                                                                                                       | -nt-                                     | -nt-       |  |
| 131          | Thu hồi cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện                                                                                                   | -nt-                                     | -nt-       |  |
| 132          | Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng                                                    | -nt-                                     | -nt-       |  |
| 133          | Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng                                                             | -nt-                                     | -nt-       |  |
| 134          | Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng | -nt-                                     | -nt-       |  |
| <b>XIX</b>   | <b>LĨNH VỰC BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG: 06 thủ tục</b>                                                                                                        |                                          |            |  |
| 135          | Cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn                                                                             | Quyết định số 3177/QĐ-BCA ngày 05/5/2025 | Phòng PA08 |  |
| 136          | Cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn                                                                             | -nt-                                     | -nt-       |  |
| 137          | Cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn                                                                                | -nt-                                     | -nt-       |  |
| 138          | Cấp mới giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn                                                                       | -nt-                                     | -nt-       |  |
| 139          | Cấp lại giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn                                                                       | -nt-                                     | -nt-       |  |
| 140          | Cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn                                                                          | -nt-                                     | -nt-       |  |

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA CÔNG AN CÁC XÃ, PHƯỜNG: 57 thủ tục**

| Stt       | Tên thủ tục hành chính                                                                           | Quyết định công bố của Bộ Công an               | Đơn vị thực hiện   | Ghi chú |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------|---------|
| <b>I</b>  | <b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ, XUẤT NHẬP CẢNH: 05 thủ tục</b>                                              |                                                 |                    |         |
| 1         | Khai báo tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam bằng Phiếu khai báo tạm trú                   | QĐ/0001-BCA                                     | Công an xã, phường |         |
| 2         | Trình báo mất thẻ ABTC                                                                           | Quyết định số 4977/QĐ-BCA ngày 19/7/2023        | -nt-               |         |
| 3         | Trình báo mất hộ chiếu phổ thông                                                                 | Quyết định số 5568/QĐ-BCA ngày 15/8/2023        | -nt-               |         |
| 4         | Trình báo mất giấy thông hành                                                                    | Quyết định số 5283/QĐ-BCA ngày 18/7/2024        | -nt-               |         |
| 5         | Xác nhận, cung cấp thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam                  | Quyết định số 8258/QĐ-BCA-QLXNC ngày 08/10/2025 | -nt-               |         |
| <b>II</b> | <b>LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ: 11 thủ tục</b>                                              |                                                 |                    |         |
| 6         | Đăng ký thường trú                                                                               | Quyết định số 9354/QĐ-BCA-C06 ngày 20/11/2025   | Công an xã, phường |         |
| 7         | Xóa đăng ký thường trú                                                                           | -nt-                                            | -nt-               |         |
| 8         | Tách hộ                                                                                          | -nt-                                            | -nt-               |         |
| 9         | Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú                                     | -nt-                                            | -nt-               |         |
| 10        | Đăng ký tạm trú                                                                                  | -nt-                                            | -nt-               |         |
| 11        | Gia hạn tạm trú                                                                                  | -nt-                                            | -nt-               |         |
| 12        | Xóa đăng ký tạm trú                                                                              | -nt-                                            | -nt-               |         |
| 13        | Khai báo thông tin về cư trú đối với người chưa đủ điều kiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú | -nt-                                            | -nt-               |         |

|            |                                                                                                                                                                               |                                              |                    |  |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------|--|
| 14         | Thông báo lưu trú                                                                                                                                                             | -nt-                                         | -nt-               |  |
| 15         | Khai báo tạm vắng                                                                                                                                                             | -nt-                                         | -nt-               |  |
| 16         | Xác nhận thông tin về cư trú                                                                                                                                                  | -nt-                                         | -nt-               |  |
| <b>III</b> | <b>LĨNH VỰC CẤP, QUẢN LÝ CĂN CƯỚC: 18 thủ tục</b>                                                                                                                             |                                              |                    |  |
| 17         | Khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước                                                                                                                     | Quyết định số 5710/QĐ-BCA-C06 ngày 01/7/2025 | Công an xã, phường |  |
| 18         | Khai thác thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu căn cước                                                                          | -nt-                                         | -nt-               |  |
| 19         | Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước                                                                                               | -nt-                                         | -nt-               |  |
| 20         | Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước                                                                                         | -nt-                                         | -nt-               |  |
| 21         | Tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước                                                                                                                    | -nt-                                         | -nt-               |  |
| 22         | Cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên                                                                                                                              | -nt-                                         | -nt-               |  |
| 23         | Cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi                                                                                                                                       | -nt-                                         | -nt-               |  |
| 24         | Cấp đổi thẻ căn cước                                                                                                                                                          | -nt-                                         | -nt-               |  |
| 25         | Cấp lại thẻ căn cước                                                                                                                                                          | -nt-                                         | -nt-               |  |
| 26         | Thu thập, cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và cấp giấy chứng nhận căn cước | -nt-                                         | -nt-               |  |
| 27         | Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước theo đề nghị của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch                          | -nt-                                         | -nt-               |  |
| 28         | Cấp đổi giấy chứng nhận căn cước                                                                                                                                              | -nt-                                         | -nt-               |  |
| 29         | Cấp lại giấy chứng nhận căn cước                                                                                                                                              | -nt-                                         | -nt-               |  |
| 30         | Khai thác thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch                                                                                                       | Quyết định số 4864/QĐ-                       | -nt-               |  |

|           |                                                                                                    |                                              |                        |  |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------|--|
|           | tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư                                                        | BCA-C06 ngày 04/7/2024                       |                        |  |
| 31        | Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo đề nghị của công dân              | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| 32        | Hủy, xác lập lại số định danh cá nhân                                                              | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| 33        | Xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 09 số, số định danh cá nhân                              | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| 34        | Khai thác thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư                            | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| <b>IV</b> | <b>LĨNH VỰC ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ: 06 thủ tục</b>                                          |                                              |                        |  |
| 35        | Cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức                                               | Quyết định số 5709/QĐ-BCA-C06 ngày 01/7/2025 | Công an các xã, phường |  |
| 36        | Cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam                  | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| 37        | Khóa tài khoản định danh điện tử                                                                   | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| 38        | Mở khóa tài khoản định danh điện tử                                                                | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| 39        | Khóa căn cước điện tử                                                                              | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| 40        | Mở khóa căn cước điện tử                                                                           | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| <b>V</b>  | <b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH, TRẬT TỰ: 03 thủ tục</b> |                                              |                        |  |
| 41        | Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT thực hiện tại Công an cấp xã                          | Quyết định số 5625/QĐ-BCA-C06 ngày 15/8/2023 | Công an các xã, phường |  |
| 42        | Cấp đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT thực hiện tại Công an cấp xã                          | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| 43        | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT thực hiện tại Công an cấp xã                          | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| <b>VI</b> | <b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ VÀ CÔNG CỤ</b>                                             |                                              |                        |  |

|            |                                                                                                                                                   |                                              |                        |  |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------|--|
|            | <b>HỖ TRỢ: 01</b> thủ tục                                                                                                                         |                                              |                        |  |
| 44         | Khai báo vũ khí thô sơ là hiện vật trưng bày, triển lãm, làm đồ gia bảo                                                                           | Quyết định số 885/QĐ-BCA-C06 ngày 17/02/2025 | Công an các xã, phường |  |
| <b>VII</b> | <b>LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ: 11</b> thủ tục                                                                      |                                              |                        |  |
| 45         | Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất lắp ráp trong nước                                                                   | Quyết định số 1383/QĐ-BCA ngày 28/02/2025    | Công an các xã, phường |  |
| 46         | Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe nhập khẩu                                                                                     | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| 47         | Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu thực hiện bằng dịch vụ công một phần hoặc trực tiếp                                                               | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| 48         | Cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe trong trường hợp thay đổi chủ xe (đăng ký sang tên xe) bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| 49         | Đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp                                                        | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| 50         | Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình                                                       | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| 51         | Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp                                          | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| 52         | Đăng ký xe tạm thời thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình                                                                             | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| 53         | Đăng ký xe tạm thời thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp                                                                | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| 54         | Thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công toàn trình                                                                  | -nt-                                         | -nt-                   |  |
| 55         | Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp                                        | -nt-                                         | -nt-                   |  |

|             |                                                                                                                                                                         |             |                        |  |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------|--|
| <b>VIII</b> | <b>LĨNH VỰC KHIẾU NẠI, TỔ CÁO: 02 thủ tục</b>                                                                                                                           |             |                        |  |
| 56          | Giải quyết khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân (phải là cán bộ thuộc biên chế của lực lượng Công an) | QĐ/0001-BCA | Công an các xã, phường |  |
| 57          | Giải quyết tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân (phải là cán bộ thuộc biên chế của lực lượng Công an)            | -nt-        | -nt-                   |  |